TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01 - 2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bà H, ông T (bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 05/01/1996. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bà và ông T thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà đã có lần nộp đơn ly

hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nhưng đã rút đơn vì mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, nhưng đến nay bà cảm thấy mâu thuẫn đã vô cùng trầm trọng, khả năng hàn gắn là không thể có, không thể ở được với nhau. Nay bà xác định T cảm giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Hoàng Khắc Tr, sinh năm 1996 và Hoàng Tuấn A, sinh ngày 11/7/2003. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập ông T đến làm việc nhưng ông T vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 07/12/2021 thể hiện:

Về phía gia đình anh Hoàng Tuấn A là con trai của ông Hoàng Văn T cho biết: Hiện nay anh đang ở trực tiếp cùng bố mẹ là ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị H, mặc dù anh đang học đại học năm thứ nhất tại Hà Nội nhưng do dịch bệnh Covid -19 nên anh đang học online tại nhà. Khi bà H có đơn ly hôn ông T anh thấy ông T có nhận được các giấy tờ thông báo thụ lý của Tòa án, giấy triệu tập cũng như các giấy tờ liên quan đến lịch làm việc tuy nhiên ông T không có mặt theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án, của UBND xã Yên Tân để giải quyết việc liên quan đến đơn ly hôn của bà H.

Về phía địa phương xã T cho biết: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 05/01/1996. Quá trình chung sống giữa ông T, bà H có mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ chỉ biết năm 2020 bà H có làm đơn ly hôn ông T tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên. Địa phương đã làm việc với cả hai bên tuy nhiên sau đó bà H đã cho ông T cơ hội, bà H rút đơn để về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên từ khi rút đơn ông, bà chung sống nhưng vẫn không có hạnh phúc, nay bà H tiếp tục có đơn xin ly hôn với ông T.

Địa phương khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án để triệu tập ông T làm việc liên quan việc bà H có đơn xin ly hôn ông T, địa phương đã giao cho ông T, ông T đã biết được bà H đang làm đơn ly hôn, đã được Tòa án và địa phương thông báo lịch làm việc để lấy quan điểm của ông T. Tuy nhiên ông T không hợp tác, không đến Tòa cũng như không đến trụ sở UBND xã T để làm việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, bà H có mặt, ông T vắng mặt. Bà H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Bà H xin giải quyết vắng mặt. Ông T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của bà H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về T cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, ông T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/01/1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc thì gần đây khoảng từ năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa ông bà không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà H xác định T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với ông T. Về phía ông T, mặc dù ông biết việc bà H xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho ông bà nhưng ông T vẫn cố T vắng mặt. Điều đó chứng tỏ ông không còn thiết tha hàn gắn T cảm với bà H nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho ông bà nhưng ông T vẫn vắng mặt. Bà H đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn ông T nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho ông bà được. Xét thấy, ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của bà H, xử cho ông bà ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Hoàng Khắc Tr, sinh năm 1996 và Hoàng Tuấn A, sinh ngày 11/7/2003. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Bà H, ông T không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Văn T.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003454, ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Yên Tân: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh